**Mẫu số 10a**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**Số:.... /………..V/v áp dụng mức thuế suất 0% theo Chương trình ưu đãi thuế CNHT ô tô | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***Hà Nội, ngày……tháng……năm ……..* |

Kính gửi: ...................(1) …..............................

Tên tổ chức/cá nhân: …………………………………………………(2)

Mã số thuế:.................................................................................................

CMND/Thẻ căn cước/Hộ chiếu số: …..... Ngày cấp: …./……./………

Nơi cấp: ……… ……………………… .....… Quốc tịch: ……....…....

Địa chỉ: ……………… …………………………………......…..

Số điện thoại: ………………….………; số fax: …… ………….......

Tên cơ sở sản xuất sản phẩm CNHT ô tô ……..... ..............……….

Địa điểm cơ sở sản xuất: ………………………………… ...........….

Nay, (2)…………………… đề nghị được áp dụng thuế suất ưu đãi 0% đối với nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để gia công, sản xuất, lắp ráp sản phẩm CNHT ô tô đã đăng ký tham gia Chương trình ưu đãi thuế CNHT ô tô theo công văn số ................ngày........... đã gửi (1)..............., cụ thể như sau:

- Kỳ xét ưu đãi:.................... .............................................................

- Số lượng sản phẩm CNHT ô tô đã gia công, sản xuất, lắp ráp và bán: ..... ...

- Số lượng sản phẩm CNHT ô tô đã gia công, sản xuất, lắp ráp và sử dụng để sản xuất, lắp ráp xe trong kỳ xét ưu đãi:...

**Các giấy tờ kèm theo công văn này gồm**:

(3).................. ...................

Tổ chức/cá nhân kính đề nghị Cơ quan hải quan (1) ……………... tiếp nhận việc đăng ký tham gia Chương trình ưu đãi thuế CNHT ô tô./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- Lưu | **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC/CÁ NHÂN***(hoặc người được ủy quyền)**(Ký tên, đóng dấu)* |

**Ghi chú:**

(1): Tên cơ quan hải quan nơi tiếp nhận công văn đăng ký tham gia Chương trình.

(2): Tên tổ chức đăng ký tham gia Chương trình ưu đãi thuế CNHT ô tô.

(3): Giấy tờ kèm theo công văn này thực hiện theo điểm a khoản 8 Điều 7b.

**Mẫu số 10**

**Tên tổ chức, cá nhân:**

**Địa chỉ:**

**Mã số thuế:**

**BẢNG KÊ TỜ KHAI, SỐ TIỀN THUẾ NHẬP KHẨU ĐÃ NỘP CỦA NGUYÊN LIỆU, VẬT TƯ, LINH KIỆN ĐỂ SẢN XUẤT, GIA CÔNG (LẮP RÁP) SẢN PHẨM CNHT ƯU TIÊN PHÁT TRIỂN ĐÃ ĐĂNG KÝ THAM GIA CHƯƠNG TRÌNH**

*Kỳ báo cáo: từ ngày …. đến ngày ….*

Ngày đăng ký tham gia Chương trình (ngày Chi cục Hải quan tiếp nhận):

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chi cục Hải quan tiếp nhận tờ khai** | **Số tờ khai** | **Mã loại hình tờ khai** | **Ngày đăng ký tờ khai** | **Tên nguyên liệu, vật tư, linh kiện NK** | **Đơn vị tính** | **Mã số HS hàng hóa** | **Tồn đầu kỳ** | **Nhập khẩu trong kỳ** | **Lượng NL,VT, LK NK sử dụng để GC, SX sản phẩm CNHT đề nghị hoàn thuế trong kỳ** | **Xuất kho khác** | **Tồn cuối kỳ** | **Số tiền thuế NK đề nghị hoàn** |
| **GC, SX sản phẩm đã bán cho DN sản xuất, lắp ráp ô tô trong kỳ** | **GC, SX sản phẩm đã sử dụng để lắp ráp ô tô trong kỳ** |
| **Mã** | **Tên** | **Số lượng** | **Tiền thuế NK đã nộp** | **Số lượng** | **Tiền thuế NK đã nộp** | **Số lượng** | **Tiền thuế NK đã nộp** | **Số lượng** | **Tiền thuế NK đã nộp** | **Số lượng** | **Tiền thuế NK đã nộp** | **Số lượng** | **Tiền thuế NK đã nộp** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) | (16) | (17) | (18) | (19) | (20)=(10)+(12)-(14)-(16)-(18) | (21)=(11)+(13)-(15)-(17)-(19) | (22)=(15)+ (17) |
| 1 |   |   |  |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 2 |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| **Cộng** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

 *…………………, ngày … tháng … năm 202..*

 **NGƯỜI LẬP NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP**

 *(Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

***Ghi chú:***

- Cột (6) “Mã”: Mã linh kiện do doanh nghiệp tự mã hóa để theo dõi, quản lý

- Đơn vị tính tiền thuế: VNĐ

- Cột (10), (12): Kê khai đối với nguyên liệu, vật tư, linh kiện có tờ khai nhập khẩu đăng ký từ ngày Nghị định này có hiệu lực.

- Cột (20) : Tồn kho cuối kỳ bao gồm cả NL, VT, LK nhập khẩu cấu thành trong sản phẩm dở dang và sản phẩm hoàn thiện còn tồn kho.

**Mẫu số 11**

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG NGUYÊN LIỆU, VẬT TƯ, LINH KIỆN NHẬP KHẨU ĐỂ SẢN XUẤT,**

**GIA CÔNG (LẮP RÁP) SẢN PHẨM CNHT ĐÃ ĐĂNG KÝ THAM GIA CHƯƠNG TRÌNH**

*Kỳ báo cáo: Từ ngày …………. đến ngày…………..*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên NL,VT, LK nhập khẩu** | **Mã hàng (HS)** | **Đơn vị tính** | **Lượng NL,VT, LK nhập khẩu tồn đầu kỳ** | **Lượng NL,VT, LK nhập khẩu trong kỳ** | **Lượng NL,VT, LK nhập khẩu** **đã sử dụng đề nghị hoàn thuế trong kỳ** | **Lượng NL,VT, LK nhập khẩu xuất kho khác trong kỳ** | **Lượng NL, VT, LK nhập khẩu tồn kho cuối kỳ**  | **Ghi chú**  |
| **Mã** | **Tên** | **Lượng thuộc đối tượng GC, SX sản phẩm đã bán cho doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô trong kỳ** | **Lượng thuộc đối tượng GC, SX sản phẩm đã đưa vào sản xuất, lắp ráp ô tô trong kỳ** |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9)* | *(10)* | *(11)* | *(12)* |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|   | … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **NGƯỜI LẬP***(Ký, ghi rõ họ tên)* | *…………………, ngày … tháng … năm 202..***NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN***(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)* |

***Ghi chú:***

- Cột (2) “Mã”: Kê khai mã linh kiện do doanh nghiệp tự mã hóa để theo dõi, quản lý

- Cột (8): Kê khai lượng nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu đã sử dụng để GC, SX sản phẩm CNHT thuộc đối tượng sản phẩm đã bán cho DN sản xuất, lắp ráp ô tô trong kỳ

**Lượng NL, VT, LK đề nghị hoàn thuế ở Cột (8) = Lượng sản phẩm CNHT đã bán cho DN sx, lắp ráp ô tô trong kỳ x Định mức thực tế sx**

- Cột (9): Kê khai lượng nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu đã sử dụng để GC, SX sản phẩm CNHT thuộc đối tượng sản phẩm đã đưa vào sản xuất, lắp ráp ô tô trong kỳ đối với DN sản xuất, lắp ráp ô tô

**Lượng NL, VT, LK đề nghị hoàn thuế ở Cột (9) = Lượng sản phẩm CNHT đã đưa vào sản xuất, lắp ráp ô tô trong kỳ x Định mức thực tế sx**

- Định mức thực tế sản xuất là số lượng NL, VT, LK thực tế đã được sử dụng để gia công, sản xuất ra một đơn vị sản phẩm CNHT

- Cột (11) : Lượng NL, VT, LK nhập khẩu tồn kho cuối kỳ bao gồm cả NL, VT, LK nhập khẩu cấu thành trong sản phẩm dở dang và sản phẩm hoàn thiện còn tồn kho.

**Mẫu số 12**

**BẢNG KÊ HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG TƯƠNG ỨNG VỚI SỐ LƯỢNG SẢN PHẨM CNHT Ô TÔ ĐÃ BÁN THEO HỢP ĐỒNG MUA BÁN**

*Kỳ báo cáo: Từ ngày …………. đến ngày…………..*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Hóa đơn** | **Doanh nghiệp mua** | **Sản phẩm bán ra** | **Ghi chú** |
| **Số hóa đơn** | **Ngày hóa đơn** | **Tên** | **MST** | **Tên sản phẩm** | **Số lượng** | **Đơn vị tính** |
|   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |   |   |   |   |

|  |  |
| --- | --- |
| **NGƯỜI LẬP***(Ký, ghi rõ họ tên)* | **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT** **CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN***(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)* |